

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Ngành: VẬT LÝ VÔ TUYỀN VÀ ĐIỆN TỬ

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số 1971/QĐ-KHTN, ngày 28/12/2021)

1. Thời gian đào tạo:

- NCS chưa có bằng thạc sĩ: 4 năm
- NCS đã có bằng thạc sĩ: 3 năm.

2. Hình thức đào tạo: chính quy

3. Cấu trúc chương trình đào tạo:

| Đối tượng NCS | Tổng số tín chỉ | Trong đó gồm | | | | |
|-----------------------------|----------------------------|---|--|---------------------------------|--------------------|----------------------------|
| | | Học phần bổ sung | Học phần trình độ tiến sĩ | Bắt buộc (9 tín chỉ) | Tự chọn | Luận án tiến sĩ |
| NCS chưa có bằng thạc sĩ | ≥ 125 | ≥ 30 (NCS học các môn học cơ sở và chuyên ngành của chương trình thạc sĩ) | - Tiêu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CD- 6 tín chỉ) | 6 | 80 | |
| NCS đã có bằng thạc sĩ | ≥ 95 | Áp dụng đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần hoặc ngành khác. Số tín chỉ bổ sung được xét theo từng trường hợp cụ thể trước khi nhập học. | - Tiêu luận tổng quan (3TC) - Chuyên đề tiến sĩ (2 CD- 6 tín chỉ) | 6 | 80 | |

4. Khung chương trình đào tạo:

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|-----|---------------|---|------------|----|----------|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,TL |
| A | | Học phần bổ sung kiến thức | | | |
| 1 | | <i>NCS chưa có bằng thạc sĩ</i> | | | |
| | | Môn học cơ sở và chuyên ngành của bậc thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử | ≥ 30 | | |
| 2 | | <i>NCS có bằng thạc sĩ ngành gần</i> | | | |
| | | Xét theo từng đối tượng người học | | | |
| B | | Học phần trình độ tiến sĩ | | | |
| B.1 | | Học phần bắt buộc | 9 | | |
| 1 | TLTQ | Tiêu luận tổng quan | 3 | | |
| 2 | CDTS01 | Chuyên đề tiến sĩ 1 | 3 | | |
| 3 | CDTS02 | Chuyên đề tiến sĩ 2 | 3 | | |



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

| Stt | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | | |
|------------|------------|--|------------|----|----------|
| | | | Tổng số | LT | TH,TN,TL |
| B.2 | | Học phần tự chọn | 6 | | |
| 1 | DVL051 | Cân bằng mù trong truyền thông số | 3 | 2 | 1 |
| 2 | DVL052 | Truyền thông không dây tiên tiến | 3 | 3 | 0 |
| 3 | DVL053 | Phân tích thành phần độc lập tiên tiến | 3 | 3 | 0 |
| 4 | DVL054 | Xử lý tín hiệu trong VLSI | 3 | 2 | 1 |
| 5 | DVL055 | An ninh bảo mật trong truyền thông không dây | 3 | 3 | 0 |
| 6 | DVL056 | Thiết kế vi mạch cao tần | 3 | 2 | 1 |
| 7 | DVL057 | Hệ thống đa vi xử lý | 3 | 2 | 1 |
| 8 | DVL058 | Linh kiện điện tử nano tiên tiến | 3 | 3 | 0 |
| C | | Luận án tiến sĩ | 80 | | |
| D | | Bài báo khoa học (*) | | | |

(*) Qui định bài báo khoa học

- Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải có ít nhất hai bài báo khoa học (*nghiên cứu sinh là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (corresponding author); có ghi tên trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM theo tên NCS.*).

- Tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, tên ĐHQG-HCM phải ghi vào thông tin tên NCS trong các bài báo khoa học, cách trình bày như sau:

Tiếng Việt:

Ví dụ họ tên NCS: Nguyễn Văn A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ PTN cấp khoa hoặc/Bộ môn (nếu có nhu cầu ghi), PTN cấp Trường/Trung tâm/Viện/Khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (hai cấp độ tổ chức được in đậm là bắt buộc phải ghi; cấp PTN thuộc Khoa/Bộ môn là không bắt buộc)

⁽²⁾ Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

⁽³⁾ Đơn vị ngoài (do học viên đăng ký, có xác nhận của CBHD trong đề cương).



Tiếng Anh:

Ví dụ họ tên NCS: Nguyen Van A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ Laboratory.../Department..., **Laboratory/Center/Institute/Faculty, University of Science, Ho Chi Minh City, Vietnam** (hai cấp in đậm là bắt buộc phải ghi)

⁽²⁾ Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

⁽³⁾ Others